

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST
Ngày 01-3-2024
V/v ly hôn, nuôi con chung giữa
anh T và chị N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đề;

Ông Phạm Văn Lịch.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Vũ Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm Tây Ninh, xã Hải C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

- **Bị đơn:** Chị Bùi Thị N, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm Tây Ninh, xã Hải C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(anh T, chị N xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20-9-2023, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Vũ Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn T và chị Bùi Thị N kết hôn với nhau ngày 15-12-2010 tại Ủy ban nhân dân xã Hải C, huyện Hải Hậu trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh T ở xóm Tây Ninh, xã Hải C, huyện Hải Hậu. Đến năm 2015 vợ chồng cùng nhau đi làm kinh tế ở thành phố Nam Định được một thời gian thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra xích mích, cãi chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2017 và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm trách nhiệm đối với nhau từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Vũ Yên N, sinh ngày 24-9-2011. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, con chung sống cùng anh T và gia đình bên nội. Khi ly hôn, anh T có nguyện vọng tiếp tục được nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Hiện nay anh T làm nghề xây dựng có mức thu nhập trung bình là 15.000.000đ/tháng nên anh xác định có đủ điều kiện nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02-02-2024 và quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn chị Bùi Thị N có lời khai phù hợp với lời khai của anh T về thời gian kết hôn, chung sống và thời gian sống ly thân. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo chị N là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ngoài ra còn do kinh tế khó khăn, bản thân anh T lại không tu trí làm kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nay anh T làm đơn xin ly hôn chị, chị cũng nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Chị N xác nhận vợ chồng có 01 chung như anh T trình bày. Chị N nhất trí để con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh T.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do công việc bận nên chị N xin được vắng mặt tại phiên họp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cũng như phiên toà xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Vũ Văn T và chị Bùi Thị N đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T, chị N là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ vợ chồng giữa anh Vũ Văn T và chị Bùi Thị N là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Hải C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn

ngày 15-12-2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, từ tháng 6/2017 đến nay, vợ chồng đã ly thân.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị N thì thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị N xuất phát từ tính cách hai người không hợp nhau và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, làm kinh tế nên vợ chồng thường xảy tranh cãi, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân, hai bên đều không có biện pháp, hành động thiết thực nhằm hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị N đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, cho anh T được ly hôn chị N là phù hợp quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Anh Vũ Văn T và chị Bùi Thị N có 01 con chung là cháu Vũ Yến N, sinh ngày 24-9-2011, hiện cháu Nhi đang do anh T nuôi dưỡng. Khi ly hôn nguyện vọng của anh T xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nhi; anh T không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con của anh T thì thấy: Cháu Vũ Yến Nhi hiện đang do anh T nuôi dưỡng, quá trình giải quyết vụ án cháu Nhi cũng có lời khai xin được ở với anh T. Về chỗ ở và thu nhập của anh T, hiện anh T và cháu Nhi đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ của anh T, anh T làm nghề xây dựng có thu nhập trung bình là 15.000.000đ/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N cũng nhất trí tiếp tục giao cháu Nhi cho anh T nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của cháu Nhi chưa thành niên nên cần giao cháu Vũ Yến Nhi cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nhi thành niên và không buộc chị N phải cấp dưỡng nuôi con cho anh T (do anh T không yêu cầu) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Anh T và chị N đều xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Vũ Văn T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Vũ Văn T và chị Bùi Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Yến N, sinh ngày 24-9-2011 cho anh Vũ Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Chị Bùi Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh T. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung (Do cháu Nhi đang ở cùng anh T nên các bên đương sự không phải bàn giao con chung cho nhau).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Anh Vũ Văn T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0003032 ngày 30-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải C;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Văn Đê Phạm Văn Lịch

Nguyễn Văn Đính

